

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

*Báo cáo của Ban Giám đốc và
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH 3
Năm 2012**

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	03 – 05
Báo cáo Kiểm toán	06
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	07 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2012	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2012	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2012	12 – 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300421520 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, lắp đặt.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, đường dây dưới 35 KV;
- Đào đắp, san lấp mặt bằng, tạo bãi. Sản xuất tà vẹt, cầu kiện bê tông, cầu kiện thép và sản phẩm cơ khí (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải kim loại, xi măng điện, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở);
- Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị;
- Thí nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, lập dự án đầu tư, giám sát thi công công trình giao thông dân dụng, công nghiệp không do Công ty thi công;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, nội ngoại thất công trình, công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Tư vấn thiết kế;
- Kinh doanh nhà ở;
- Sửa chữa xe máy, phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình thủy lợi. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường sắt. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, đô thị. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp, ngành giao thông vận tải.

Trụ sở của Công ty tại: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

a. Thông tin các chi nhánh: 8 chi nhánh

1. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 303

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

2. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 304

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

3. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 302

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

4. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp CK Và Xây Dựng

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

5. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp TV Thiết Kế Và Kiểm Định Công Trình

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

6. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 301

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

7. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 tại tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Số 315 khối 1, Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi

8. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 305

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

b. Thông tin các Công ty con: 3 công ty

Công ty Cổ Phần Công Trình Thành Phát

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55 %

Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Trường Lộc

Địa chỉ: 143A Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 53,10 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 53,10 %

Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng

Địa chỉ: Lô C7-1, Khu công nghiệp Hàm Kiệm 1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100 %

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Phạm Văn Thúy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Nguyên	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Côi	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Soát	Thành viên
Ông Lê Văn Nhưong	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Kim Chinh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Phạm Văn Thúy	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nguyên	Phó tổng giám đốc
Ông Phạm Ngọc Côi	Phó tổng giám đốc
Ông Nguyễn Đức Soát	Phó tổng giám đốc
Ông Vũ Công Hòa	Phó tổng giám đốc
Ông Phạm Trường Sơn	Phó tổng giám đốc
Bà Nguyễn Kim Chinh	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Anh Thuận	Trưởng ban
---------------------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

Ông Trần Minh Hùng

Thành viên

Ông Đặng Xuân Trường

Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2013

TM. Ban Giám Đốc
Tổng giám đốc

Phạm Văn Thúy

Số:/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

(Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3)

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của **Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3** gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 25 tháng 02 năm 2013 được trình bày từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Không phủ nhận ý kiến của chúng tôi dưới đây, tuy nhiên chúng tôi xin lưu ý tới người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của đơn vị được lập trên cơ sở số liệu của công ty mẹ và các công ty con, trong đó 2 công ty con là Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Trường Lộc và Công ty Cổ Phần Công Trình Thành Phát đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán – Tư Vấn Rộng Việt và báo cáo kiểm toán của 2 công ty này được phát hành dưới dạng ý kiến chấp thuận từng phần; Do đó, số liệu hợp nhất có liên quan đến 2 công ty con đã nêu trên chúng tôi lấy theo số liệu của báo cáo kiểm toán đã phát hành bởi công ty TNHH Kiểm Toán – Tư Vấn Rộng Việt có ý kiến ngoại trừ về kiểm kê tiền mặt tại ngày 31/12/2012 được thực hiện và xác nhận bởi Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3** tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Đỗ Khắc Thanh
Chứng chỉ KTV Đ 0064/KTV

Chu Thế Bình
Chứng chỉ KTV 1858/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP.Hồ Chí Minh.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		346.526.736.818	343.102.191.910
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	40.497.400.061	42.707.530.487
1. Tiền	111		36.568.162.979	42.707.530.487
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.929.237.082	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	1.300.000.000	1.300.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.300.000.000	1.300.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3	108.665.599.592	188.755.459.440
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	83.390.809.489	171.593.607.644
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	15.278.231.934	8.825.789.940
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	10.753.848.589	9.093.352.276
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	3.4	(757.290.420)	(757.290.420)
IV. Hàng tồn kho	140	4	151.121.969.014	86.278.124.674
1. Hàng tồn kho	141		151.121.969.014	86.278.124.674
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5	44.941.768.151	24.061.077.309
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	6.968.451.345	358.627.404
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.2	6.944.921.228	298.057.114
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.3	15.516.430	
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	31.012.879.148	23.404.392.791
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260+269)	200		90.195.539.537	68.672.838.079
II. Tài sản cố định	220		60.043.573.498	42.309.906.730
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	53.467.027.894	41.879.921.419
- Nguyên giá	222		101.212.794.814	79.518.192.128
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(47.745.766.920)	(37.638.270.709)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	7	3.726.461.898	
- Nguyên giá	225		4.684.355.178	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(957.893.280)	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	2.850.083.706	429.985.311
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	
V. Tài sản dài hạn khác	260	9	30.151.966.040	26.362.931.349
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.1	28.731.343.143	25.693.707.227
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	9.2	1.105.422.897	660.024.122
3. Tài sản dài hạn khác	268	9.3	315.200.000	9.200.000
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		436.722.276.356	411.775.029.989

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP.Hồ Chí Minh.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		326.175.760.228	306.233.118.050
I. Nợ ngắn hạn	310	10	316.848.471.095	296.181.134.652
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10.1	104.642.268.845	98.632.381.013
2. Phải trả người bán	312	10.2	42.149.132.122	86.692.201.445
3. Người mua trả tiền trước	313	10.3	108.493.538.044	40.707.528.522
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10.4	6.856.671.220	8.091.853.845
5. Phải trả người lao động	315	10.5	12.070.429.404	7.501.660.624
6. Chi phí phải trả	316	10.6	3.213.100.527	2.317.458.842
7. Phải trả nội bộ	317	10.7	5.082.142.357	3.767.125.575
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10.8	32.850.995.008	47.246.557.072
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	10.9	1.490.193.568	1.224.367.714
II. Nợ dài hạn	330	11	9.327.289.133	10.051.983.398
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	
3. Phải trả dài hạn khác	333	11.1	81.603.898	81.603.898
4. Vay và nợ dài hạn	334	11.2	9.245.685.235	9.970.379.500
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		96.560.673.823	94.750.179.298
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	96.560.673.823	94.750.179.298
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.609.980.000	55.609.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.694.645.000	1.694.645.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.622.907.459	1.622.907.459
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(930.000)	(930.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.105.568.627	17.676.292.767
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.376.155.404	4.734.254.404
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.152.347.333	13.413.029.668
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431		-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		13.985.842.305	10.791.732.641
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		436.722.276.356	411.775.029.989

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP.Hồ Chí Minh.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		408.987.523	408.987.523
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Văn Nghị

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	334.487.333.350	300.428.537.661
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	15	334.487.333.350	300.428.537.661
4. Giá vốn hàng bán	11	16	294.511.938.463	258.226.367.071
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		39.975.394.887	42.202.170.590
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	774.779.022	1.462.702.204
7. Chi phí tài chính	22	18	13.436.653.583	16.863.575.780
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.436.653.583	16.863.575.780
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.934.260.137	11.143.350.906
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)+(24-25)	30		11.379.260.189	15.657.946.108
11. Thu nhập khác	31	19	21.709.925.760	2.435.328.057
12. Chi phí khác	32	20	13.329.301.009	1.528.126.559
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		8.380.624.751	907.201.498
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.759.884.940	16.565.147.606
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	4.399.639.758	2.935.089.403
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	(445.398.775)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	24	15.805.643.957	13.630.058.203
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.850.582.021	909.977.006
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		13.955.061.936	12.720.081.198
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.842	2.539

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Văn Nghị

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.759.884.940	16.565.147.606
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	
- Khấu hao TSCĐ	02		12.011.128.607	10.950.990.194
- Các khoản dự phòng	03			546.219.617
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		511.829.580	(3.554.407.008)
- Chi phí lãi vay	06		13.436.653.583	16.863.575.780
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		45.719.496.710	41.371.526.189
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		65.834.509.377	(66.105.948.037)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(64.843.844.340)	4.349.628.470
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.272.895.989	24.857.004.937
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.647.459.857)	(3.922.505.478)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(13.436.653.583)	(16.863.575.780)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(987.132.994)	(3.015.396.532)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		127.597.591	65.926.365
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.247.020.421)	(3.381.107.139)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		27.792.388.472	(22.644.447.005)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23.615.016.110)	(10.295.184.923)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			258.293.461
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			30.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(511.829.580)	63.318.144
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.126.845.690)	(9.943.573.318)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	12.604.420.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(870.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		228.449.246.859	162.045.090.346
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(219.723.590.750)	(128.875.219.721)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(3.400.462.542)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.200.866.775)	(649.993.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.875.673.208)	45.123.427.125
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(2.210.130.426)	12.535.406.803
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		42.707.530.487	30.172.123.684
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	40.497.400.061	42.707.530.487

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Văn Nghị

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *Năm 2012*

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002692 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 55.609.980.000 đồng (Năm mươi lăm tỷ sáu trăm lẻ chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Trụ sở của Công ty tại: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

a. Thông tin các chi nhánh: 8 chi nhánh

- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 303**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 304**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 302**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp CK Và Xây Dựng**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp TV Thiết Kế Và Kiểm Định Công Trình**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 301**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 tại tỉnh Quảng Ngãi**
Địa chỉ: Số 315 khối 1, Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 305**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

b. Thông tin các Công ty con hợp nhất: 3 công ty

Công ty Cổ Phần Công Trình Thành Phát

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55 %

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Trường Lộc

Địa chỉ: 143A Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 53,10 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 53,10 %

Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng

Địa chỉ: Lô C7-1, Khu công nghiệp Hàm Kiệm 1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100 %

2. Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng, lắp đặt.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, đường dây dưới 35 KV;
- Đào đắp, san lấp mặt bằng, tạo bãi. Sản xuất tà vẹt, cầu kiện bê tông, cầu kiện thép và sản phẩm cơ khí (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải kim loại, xi măng điện, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở);
- Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị;
- Thí nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, lập dự án đầu tư, giám sát thi công công trình giao thông dân dụng, công nghiệp không do Công ty thi công;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, nội ngoại thất công trình, công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Tư vấn thiết kế;
- Kinh doanh nhà ở;
- Sửa chữa xe máy, phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình thủy lợi. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường sắt. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, đô thị. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp, ngành giao thông vận tải.

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Cơ sở hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 (Công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối hợp nhất.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo Thông tư số 179/2012TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài Chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không phát sinh.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

5. Hợp đồng thuê tài chính: Không phát sinh.

6. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: Không phát sinh

7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyên địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12. Nguồn vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt thông qua Đại hội đồng cổ đông được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

13.3 Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn bán hàng đã lập.

13.4 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NĂM 2012

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN			
1.1-Tiền mặt (VND)		24.393.998.039	13.776.563.429
1.2-Tiền gửi ngân hàng		16.103.402.022	28.930.967.058
Cộng		40.497.400.061	42.707.530.487
2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN		Số cuối năm	Số đầu năm
* Đầu tư ngắn hạn			
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT VN - CN.TP. HCM (Tiền gửi tiết kiệm 12 tháng)		1.300.000.000	1.300.000.000
Cộng		1.300.000.000	1.300.000.000
3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN		Số cuối năm	Số đầu năm
3.1-Phải thu khách hàng		83.390.809.489	171.593.607.644
3.2-Trả trước cho người bán		15.278.231.934	8.825.789.940
3.3-Các khoản phải thu khác		10.753.848.589	9.093.352.276
3.4-Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(757.290.420)	(757.290.420)
Cộng		108.665.599.592	188.755.459.440
4. HÀNG TỒN KHO		Số cuối năm	Số đầu năm
* Giá gốc hàng tồn kho		151.121.969.014	86.278.124.674
- Nguyên liệu, vật liệu		35.459.189.676	13.956.456.847
- Công cụ, dụng cụ		2.605.636	9.955.636
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		115.660.173.702	72.163.924.967
- Hàng hóa			147.787.224
* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho			
Cộng		151.121.969.014	86.278.124.674
5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC		Số cuối năm	Số đầu năm
5.1-Chi phí trả trước ngắn hạn		6.968.451.345	358.627.404
5.2-Thuế GTGT được khấu trừ		6.944.921.228	298.057.114
5.3- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		15.516.430	
5.4-Tài sản ngắn hạn khác		31.012.879.148	23.404.392.791
* Tạm ứng		30.927.254.148	22.692.841.426
* Ký quỹ ngắn hạn		85.625.000	711.551.365
Cộng		44.941.768.151	24.061.077.309

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP.Hồ Chí Minh.

6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
I. Nguyên giá					
1 Số dư đầu năm	6.362.695.489	61.131.256.722	11.195.086.764	829.153.153	79.518.192.128
2 Số tăng trong năm	6.713.644.257	17.170.274.111	1.654.970.910	703.009.406	26.241.898.684
Bao gồm:					
- Mua trong năm		17.066.072.170	1.654.970.910	703.009.406	19.424.052.486
- Đầu tư XDCB hoàn thành	6.713.644.257	104.201.941			6.817.846.198
- Tăng khác					
3 Số giảm trong năm	4.547.295.998				4.547.295.998
Bao gồm:					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán	4.547.295.998				4.547.295.998
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	8.529.043.748	78.301.530.833	12.850.057.674	1.532.162.559	101.212.794.814
II. Giá trị hao mòn LK					
1 Số dư đầu năm	2.154.591.833	29.108.358.634	5.827.377.387	547.942.855	37.638.270.709
2 Số tăng trong năm	482.673.788	9.782.723.585	1.505.675.266	240.055.968	12.011.128.607
- Khấu hao trong năm	482.673.788	9.782.723.585	1.505.675.266	240.055.968	12.011.128.607
- Tăng khác					
3 Số giảm trong năm	1.903.632.396				1.903.632.396
Bao gồm:					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán	1.903.632.396				1.903.632.396
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	733.633.225	38.891.082.219	7.333.052.653	787.998.823	47.745.766.920
III. Giá trị còn lại					
1 Tại ngày đầu năm	4.208.103.656	32.022.898.088	5.367.709.377	281.210.298	41.879.921.419
2 Tại ngày cuối năm	7.795.410.523	39.410.448.614	5.517.005.021	744.163.736	53.467.027.894

7 TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
I. Nguyên giá					
1 Số dư đầu năm					
2 Số tăng trong năm		2.436.809.723	2.247.545.455		4.684.355.178
3 Số giảm trong năm					
4 Số dư cuối năm		2.436.809.723	2.247.545.455		4.684.355.178
II. Giá trị hao mòn LK					
1 Số dư đầu năm					
2 Số tăng trong năm		468.238.640	489.654.640		957.893.280
3 Số giảm trong năm					
4 Số dư cuối năm		468.238.640	489.654.640		957.893.280
III. Giá trị còn lại					
1 Tại ngày đầu năm					
2 Tại ngày cuối năm		1.968.571.083	1.757.890.815		3.726.461.898

8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

- Chi phí mua TSCĐ
- Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Cộng**Số cuối năm****Số đầu năm**

429.985.311

2.850.083.706

2.850.083.706**429.985.311**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP.Hồ Chí Minh.

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**9.1-Chi phí trả trước dài hạn****9.2-Tài sản thuế thu nhập hoãn lại****9.3-Tài sản dài hạn khác**

- Ký quỹ, ký cược dài hạn

Cộng**Số cuối năm****Số đầu năm****28.731.343.143****25.693.707.227****1.105.422.897****660.024.122****315.200.000****9.200.000**

315.200.000

9.200.000

30.151.966.040**26.362.931.349****10. NỢ NGẮN HẠN****10.1-Vay và nợ ngắn hạn***** Vay ngắn hạn ngân hàng**

- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh

*** Vay cá nhân***** Vay khác***** Nợ dài hạn đến hạn trả****10.2-Phải trả người bán****10.3-Người mua trả tiền trước (theo dõi theo từng công trình)****10.4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

- Thuế GTGT đầu ra

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế thu nhập cá nhân

- Thuế nhà đất & tiền thuê đất

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10.5-Phải trả người lao động**10.6-Chi phí phải trả****10.7-Phải trả nội bộ**

- Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam

10.8-Các khoản phải trả, phải nộp khác

- Kinh phí Công đoàn

- Bảo hiểm Xã hội

- Bảo hiểm Y tế

- Bảo hiểm Thất nghiệp

- Các khoản phải trả, phải nộp khác

10.9-Quỹ khen thưởng, phúc lợi**Cộng****Số cuối năm****Số đầu năm****104.642.268.845****98.632.381.013****103.029.113.817****94.566.396.013**

103.029.113.817

94.566.396.013

678.383.000**3.984.197.000****934.772.028****81.788.000****42.149.132.122****86.692.201.445****108.493.538.044****40.707.528.522****6.856.671.220****8.091.853.845****12.070.429.404****7.501.660.624****3.213.100.527****2.317.458.842****5.082.142.357****3.767.125.575**

5.082.142.357

3.767.125.575

32.850.995.008**47.246.557.072**

583.957.252

505.507.971

1.063.321.002

507.546.174

83.096.180

150.768.189

45.029.116

74.216.949

31.075.591.458

46.008.517.789

1.490.193.568**1.224.367.714****316.848.471.095****296.181.134.652****11. NỢ DÀI HẠN****11.1-Phải trả dài hạn khác**

- Tiền nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng

11.2-Vay và nợ dài hạn

- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh

- Công ty cho thuê Tài Chính Ngân hàng Ngoại Thương VN

- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam

Cộng**Số cuối năm****Số đầu năm****81.603.898****81.603.898**

81.603.898

81.603.898

9.245.685.235**9.970.379.500**

7.018.152.900

9.690.507.500

1.741.332.335

486.200.000

279.872.000

9.327.289.133**10.051.983.398**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP.Hồ Chí Minh.

Ghi chú (*): Các khoản giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối bao gồm:

* Công ty CPĐT & XD công trình 3	12.356.202.833
- Trích cổ tức phải trả năm 2011	9.453.538.500
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2011	1.279.000.000
- Trích quỹ dự phòng tài chính năm 2011	578.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2011	925.000.000
- Truy thu thuế 2007 và 2008	120.664.333
* Công ty CP Công trình Thành Phát	1.649.000.000
- Trích cổ tức phải trả năm 2011	1.166.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2011	250.000.000
- Trích quỹ dự phòng tài chính năm 2011	83.000.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2011	150.000.000
* Công ty CP XD Công trình Trường Lộc	342.798.500
- Trích cổ tức phải trả năm 2011	249.997.500
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2011	24.060.000
- Trích quỹ dự phòng tài chính năm 2011	34.371.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2011	34.370.000
Cộng	14.348.001.333

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	43,35%	24.108.350.000	24.108.350.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	56,65%	31.501.630.000	31.501.630.000
Cộng	100%	55.609.980.000	55.609.980.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số năm nay	Số năm trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	55.609.980.000	43.005.560.000
- Vốn góp tăng trong năm		12.604.420.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	55.609.980.000	55.609.980.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.453.538.500	10.759.985.000

d) Cổ tức

- + Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán**
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- + Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận**

e) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.561.000	5.561.000
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.560.998	5.560.998
- Cổ phiếu phổ thông	5.560.998	5.560.998
- Cổ phiếu ưu đãi		
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại	93	93
- Cổ phiếu phổ thông	93	93
- Cổ phiếu ưu đãi		
+ Số lượng cp đang lưu hành	5.560.998	5.560.998
- Cổ phiếu phổ thông	5.560.998	5.560.998
- Cổ phiếu ưu đãi		

*** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/ CP****f) Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	19.105.568.627	17.676.292.767
- Quỹ dự phòng tài chính	5.376.155.404	4.734.254.404
Cộng	24.481.724.031	22.410.547.171

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP.Hồ Chí Minh.

13. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán hàng
- Doanh thu hợp đồng xây dựng
- Doanh thu dịch vụ khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
14.081.957.041	42.135.087.061
318.916.264.923	257.341.783.940
1.489.111.386	951.666.660
334.487.333.350	300.428.537.661

14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Chiết khấu thương mại
- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại
- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Thuế xuất khẩu

Cộng

Năm nay	Năm trước

15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu thuần về bán hàng
- Doanh thu hợp đồng xây dựng
- Doanh thu dịch vụ khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
14.081.957.041	42.135.087.061
318.916.264.923	257.341.783.940
1.489.111.386	951.666.660
334.487.333.350	300.428.537.661

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Giá vốn hợp đồng xây dựng
- Giá vốn của dịch vụ

Cộng

Năm nay	Năm trước
13.701.504.099	35.286.267.159
280.330.419.537	222.408.711.902
480.014.827	531.388.010
294.511.938.463	258.226.367.071

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
774.779.022	63.318.144
	1.399.384.060
774.779.022	1.462.702.204

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay

Cộng

Năm nay	Năm trước
13.436.653.583	16.863.575.780
13.436.653.583	16.863.575.780

19. THU NHẬP KHÁC

- Thu nhập từ tiền thí nghiệm và cho thuê mặt bằng
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Thu nhập từ cho thuê máy móc, vật tư
- Tiền thưởng hoàn thành tiến độ
- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
180.320.320	304.781.291
1.357.022.000	384.630.000
5.937.671.895	
1.500.000.000	
12.734.911.545	1.745.916.766
21.709.925.760	2.435.328.057

20. CHI PHÍ KHÁC

- Chi phí hoạt động thí nghiệm, cho thuê mặt bằng
- Giá trị còn lại của tài sản nhượng bán, thanh lý
- Chi phí cho thuê MMTB & vật tư
- Chi phí các công trình đã QT
- Chi phí khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
19.996.375	
2.643.663.602	40.896.453
4.395.178.920	
1.420.309.441	1.487.230.106
4.850.152.671	
13.329.301.009	1.528.126.559

21. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành

Cộng

Năm nay	Năm trước
4.399.639.758	2.935.089.403
4.399.639.758	2.935.089.403

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP.Hồ Chí Minh.

22. CHI PHÍ THUẾ TNDN HOẢN LẠI

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Cộng**Năm nay****Năm trước**

(445.398.775)

(445.398.775)**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu

- Chi phí nhân công

- Chi phí máy

Trong đó: Chi phí khấu hao tài sản cố định

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Chi phí khác bằng tiền

Cộng**Năm nay****Năm trước**

177.752.373.235 187.606.700.410

75.668.677.683 46.305.476.958

34.480.385.694 25.438.648.560

10.784.366.030 11.296.989.228

1.196.135.881 1.062.011.863

21.348.626.107 8.956.880.186

310.446.198.600 269.369.717.977**24. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ
CÔNG TY CP ĐT & XD CÔNG TRÌNH 3 (CTY MẸ)****a. Tổng lợi nhuận trước thuế**

+ Các khoản điều chỉnh tăng

+ Các khoản điều chỉnh giảm

b. Tổng thu nhập chịu thuế

. b.1 Thu nhập chịu thuế được miễn giảm

. b.2 Thu nhập chịu thuế không được miễn giảm

d. Thuế TNDN phải nộp (25%)

d.1 Thuế TNDN được miễn giảm (30%) theo TT 140 ngày 21/08/2012

d.2 Thuế TNDN phải nộp sau khi được miễn giảm

e. Thuế TNDN hoãn lại**f. Lợi nhuận sau thuế TNDN****Năm nay****Năm trước****19.759.884.940 16.565.147.606**

1.948.541.190 290.805.838

132.750.000 1.219.650.000

21.575.676.130 15.636.303.444

17.747.469.412 12.748.190.043

3.828.206.718 2.888.113.401

5.393.919.032 3.909.075.861

994.279.274 973.986.458

4.399.639.758 2.935.089.403

(445.398.775)

15.805.643.957 13.630.058.203**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN

- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ

Lãi cơ bản trên cổ phiếu**Năm nay****Năm trước**

15.805.643.957 12.720.081.198

15.805.643.957 12.720.081.198

5.560.998 5.010.051

2.842 2.539**26. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**

- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Cộng**Năm nay****Năm trước**

369.300.000 358.800.000

369.300.000 358.800.000**27. THÔNG TIN BỔ SUNG**

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm 2012, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP XD Ctrình Trường Lộc	Công ty con	Bán hàng hóa, vật tư	29.073.705.171
		Giá trị công trình công ty con đã thực hiện	82.410.088.041
		Cho thuê TSCĐ	1.812.440.000
Công ty CP Công trình Thành Phát	Công ty con	Cho thuê mặt bằng	9.163.636
		Cho thuê TSCĐ	3.681.320.364
		Bán hàng hóa, vật tư	19.025.143.138
		Dịch vụ thí nghiệm	1.763.339
		Giá trị công trình công ty con đã thực hiện	47.191.729.162
		CT 3 thuê TSCĐ của cty con (Thành Phát)	337.022.726
Công ty TNHH MTV CK và Xây dựng	Công ty con	Góp vốn	680.870.250

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP.Hồ Chí Minh.

Tại ngày kết thúc năm tài chính 2012, công nợ phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:

Công ty CP Xây dựng Công trình Trường Lộc

Phải thu khác (tiền cho thuê mặt bằng, thuê tài sản & thí nghiệm)

Phải thu khác (tiền bán hàng hóa, vật tư, tài sản)

Phải thu khác (khối lượng công trình)

Phải thu khác (nợ lãi vay)

Cộng**Số tiền**

693.813.800

30.640.505.416

(3.639.405.290)

40.978.447

27.735.892.373**Công ty CP Công trình Thành Phát**

Phải thu khác (tiền cho thuê mặt bằng, thuê tài sản & thí nghiệm)

Phải thu khác (tiền bán hàng hóa, vật tư, tài sản, vay)

Phải thu khác (khối lượng công trình)

Phải thu khác

Cộng**Số tiền**

3.336.941.073

21.661.900.118

699.123.571

968.385.600

26.666.350.362**Công ty TNHH MTV cơ khí và xây dựng**

Phải trả khác (tạm ứng theo HĐ)

Cộng**Số tiền**

800.000.000

800.000.000**28. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

- Về lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng

- Về khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất của Công ty nằm trong phạm vi cả nước

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận.

Nhằm phục vụ cho mục đích quản lý, công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc nên việc báo cáo bộ phận được phân chia theo ngành hàng kinh doanh như sau:

Xây dựng và sản xuất và dịch vụ khác

Chỉ tiêu	Xây dựng	Sản xuất, dịch vụ khác	Tổng
A- Kết quả			
1- Doanh thu	318.916.264.923	15.571.068.427	334.487.333.350
2- Chi phí	280.330.419.537	14.181.518.926	294.511.938.463
- Chi phí phân bổ trực tiếp (gồm cả giá vốn)	280.330.419.537	14.181.518.926	294.511.938.463
- Chi phí bán hàng			
3- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.585.845.386	1.389.549.501	39.975.394.887
B- Tổng giá trị của tài sản bộ phận	436.722.276.356		436.722.276.356
C- Nợ phải trả của bộ phận	320.679.143.728	5.496.616.500	326.175.760.228
D- Tổng chi phí phát sinh trong niên độ để mua TSCĐ	19.424.052.486		19.492.970.375
E- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước	11.679.394.716	3.142.363.308	14.821.758.024
- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ	6.863.808.637	3.062.782.080	9.926.590.717
- Tổng chi phí phân bổ chi phí trả trước	4.815.586.079	79.581.228	4.895.167.307

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH*** Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của Nhà nước và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP.Hồ Chí Minh.

* Các chính sách kế toán chủ yếu

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và Thuyết minh các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp

* Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.497.400.061	42.707.530.487	40.497.400.061	42.707.530.487
Phải thu khách hàng và phải thu khác	94.144.658.078	180.686.959.920	93.387.367.658	179.929.669.500
Đầu tư ngắn hạn	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000
Đầu tư dài hạn				-
Tài sản tài chính khác				-
Tổng cộng	135.942.058.139	224.694.490.407	135.184.767.719	223.937.199.987
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ	113.887.954.080	108.602.760.513	113.887.954.080	108.602.760.513
Phải trả người bán và phải trả khác	75.000.127.130	133.938.758.517	75.000.127.130	133.938.758.517
Phải trả người lao động	12.070.429.404	7.501.660.624	12.070.429.404	7.501.660.624
Chi phí phải trả	3.213.100.527	2.317.458.842	3.213.100.527	2.317.458.842
Tổng cộng	204.171.611.141	252.360.638.496	204.171.611.141	252.360.638.496

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công

Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc 31/12/2012 do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31/12/2012.

* Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng:

Các khoản phải thu khách hàng đều được khách hàng trả trước nên đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng:

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP.Hồ Chí Minh.

* Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty hiện tại không có do Công ty có nguồn tiền có thể đáp ứng được cho các khoản thanh toán.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Tại 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.497.400.061		40.497.400.061
Phải thu khách hàng và phải thu khác	94.144.658.078		94.144.658.078
Đầu tư ngắn hạn		1.300.000.000	1.300.000.000
Đầu tư dài hạn			-
Tài sản tài chính khác			-
Tổng cộng	134.642.058.139	1.300.000.000	135.942.058.139
Tại 01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.707.530.487		42.707.530.487
Phải thu khách hàng và phải thu khác	179.929.669.500		179.929.669.500
Đầu tư ngắn hạn		1.300.000.000	1.300.000.000
Đầu tư dài hạn			-
Tài sản tài chính khác			-
Tổng cộng	222.637.199.987	1.300.000.000	223.937.199.987

* Quản lý rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác. Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần.

Rủi ro ngoại tệ:

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái.

Phần lớn phát sinh ngoại tệ chủ yếu là do các khoản công nợ phải thu và các khoản công nợ này của Công ty được đã được khách hàng thanh toán trước. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tỉ giá là thấp.

Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu là liên quan đến các khoản vay. Công ty phát sinh khoản vay nên rủi ro lãi suất là không cao.

Rủi ro về giá khác:

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỉ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính công ty.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2012 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Lập ngày 25 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Văn Nghị

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy